

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 9 - 2024
“ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh T
- Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lương Phi H
- Ông Nguyễn Hữu T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Ngọc T V – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. - *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa;

- **Nguyên đơn:** Chị **Đinh Thị M**, sinh năm 1991 - có mặt

Nơi thường trú: **ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

- **Bị đơn:** Anh **Trương Ngọc T**, sinh năm 1986 - có mặt

Nơi thường trú: **khóm C, phường C, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.**

Chỗ ở hiện nay: **số F, cửa khẩu M1, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn chị **Đinh Thị M** trình bày: Vào tháng 10 năm 2014 chị **Đinh Thị M** với anh **Trương Ngọc T** có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai bên do quen biết trước được cha mẹ hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**, theo giấy kết hôn số 116, ngày 27/7/2015. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống rất hạnh phúc làm công nhân tại TP Hồ Chí Minh, đến tháng 12 năm 2023 thì vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, bắt

đồng ý kiến, anh **T** không quan tâm cho vợ và con, sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung:

- 1/ **Trương Ngọc P**, sinh ngày 26/6/2015;
- 2/ **Trương Ngọc Y**, sinh ngày 12/9/2021; hai cháu **P** và **Y** do chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà thuộc **ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**.

Chị **M** yêu cầu được ly hôn với anh **Trương Ngọc T**; Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung vì hai cháu đã sống ổn định bên chị **M**, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Toà:

+ Anh **Trương Ngọc T** trình bày: Anh **T** thống nhất với chị **M** về quá trình sống chung cũng như vợ chồng có 02 con chung như chị **M** trình bày là đúng, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu. Về hôn nhân anh **T** đồng ý ly hôn với chị **M**. Về con chung: Anh **T** yêu cầu được quyền nuôi cháu **Trương Ngọc P**, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đồng ý cho chị **M** tiếp tục nuôi cháu **Y**. Theo anh **T** cho biết, hiện tại anh làm nghề bán vé xổ ở trọ tại địa chỉ **xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, thu nhập 500.000đ/1 ngày (15.000.000đ/1 tháng) đủ điều kiện để cho cháu **P** ăn học.

+ Chị **M** không đồng ý giao cháu **P** cho anh **T** nuôi dưỡng bởi các lý do: Cháu **P** đã sống ổn định bên chị **M** từ nhỏ, học xong lớp 1 và đang vào học lớp 2/2 tại **Trường Tiểu học H** thuộc **xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Anh **T** yêu cầu nuôi cháu **P** với ý định là cho cháu **P** đi bán vé số, vì trước đây thời gian nghỉ hè anh **T** cũng đã từng cho đi bán vé số tại chỗ ở trọ như anh **T** trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét mối quan hệ gia đình giữa chị **Đinh Thị M** với anh **Trương Ngọc T** có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị **M** và anh **T** có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, ảnh hưởng kinh tế gia đình, không

chăm lo cho nhau. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, tại phiên Toà anh **Trương Ngọc T** và chị **Đinh Thị M** thuận tình ly hôn, nên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị **Đinh Thị M** với anh **Trương Ngọc T** theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, chị **M** và anh **T** có 02 con chung: **Trương Ngọc P**, sinh ngày 26/6/2015 và **Trương Ngọc Y**, sinh ngày 12/9/2021, hai cháu do chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng.

- Xét yêu cầu nuôi con của anh **T** đối với cháu **Trương Ngọc P** là không có căn cứ chấp nhận, Bởi: cháu **Trương Ngọc Phát h** đang học lớp 2/2 tại **Trường Tiểu Học H** thuộc **xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Mặt khác, cháu **P** có bản khai ý kiến thể hiện tiếp tục sống bên chị **M** vì đã có cuộc sống ổn định, được đi học gần nhà. Do đó, tiếp tục giao 02 cháu: **Trương Ngọc P** và **Trương Ngọc Y** cho chị **M** được quyền nuôi dưỡng. Chị **M** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh **T** chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Trương Ngọc T** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **M** và anh **T** không yêu cầu giải quyết, để anh, chị tự thỏa thuận, không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị **Đinh Thị M** phải chịu số tiền án phí: 300.000đồng án phí về việc ly hôn; Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng, theo biên lai thu số 0012484, ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, không phải nộp thêm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Đinh Thị M**.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị **Đinh Thị M** với anh **Trương Ngọc T**.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao hai cháu: **Trương Ngọc P**, sinh ngày 26/6/2015 và cháu **Trương Ngọc Y**, sinh ngày 12/9/2021 cho chị **Đinh Thị M** được quyền nuôi dưỡng.

Chị **M** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con nên anh **T** chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh **Trương Ngọc T** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung, nợ chung:

Chị **M**, anh **T** không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Chị **Đinh Thị M** phải chịu số tiền: 300.000đồng án phí về việc ly hôn; Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng, theo biên lai thu số 0012484, ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên Toà, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- UBND xã An Phong, H Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh T